



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG



Tháng 3 Năm 2011



MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
1. Tổng quan	4
2. Những sự kiện quan trọng	4
3. Quá trình phát triển	5
4. Định hướng phát triển	13
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
1. Những nét nổi bật trong năm	14
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch	16
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm	16
4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	17
III. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	18
1. Báo cáo tình hình tài chính	18
2. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh	19
3. Những tiến bộ đạt được	20
4. Kế hoạch phát triển trong năm	22
IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	23
1. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát	23
2. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát	23
V. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN	25
VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	27
1. Cơ cấu tổ chức	27
2. Tóm tắt lý lịch của Ban Tổng Giám đốc	28
3. Các thay đổi trong ban điều hành Công ty:	28
4. Quyền lợi của Ban TGD:	28
5. Chính sách đãi ngộ với CBCNV	29
VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	31
1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	31
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	34
VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	36



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý vị,

Trong những năm vừa qua, Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long (Công ty) luôn rất tự hào là một trong mười công ty có sản lượng gạo xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. So với những năm đầu cổ phần hóa, Công ty đã có những bước phát triển vượt bậc, đặc biệt, vượt qua giai đoạn khó khăn của nền kinh tế để khẳng định uy tín và giá trị thương hiệu của mình.

Những khó khăn của nền kinh tế trong những năm vừa qua, cũng như những diễn biến xấu của thời tiết, đã tác động không nhỏ đến hoạt động của Công ty, nhưng với quyết tâm và lòng nhiệt huyết của toàn thể cán bộ nhân viên và sự ủng hộ của các cổ đông, Công ty vẫn đạt được mức tăng trưởng đáng khích lệ. Cột mốc quan trọng của Công ty trong năm 2010, đó là ngày 21/12/2010, toàn bộ cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, mở ra nhiều cơ hội mới để Công ty phát triển nhanh, mạnh và bền vững, đồng thời đưa thương hiệu Vĩnh Long Food trở nên rộng rãi hơn với đại chúng.

Cũng trong năm 2010, ngoài việc đầu tư, sửa chữa, mua sắm thêm một số thiết bị để nâng cao năng suất, Công ty đã thống nhất chủ trương triển khai dự án nhà máy chế biến lương thực xuất khẩu nhằm tiếp tục phát huy thế mạnh của thương hiệu Vĩnh Long Food. Vẫn giữ vững phương châm ***cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao với giá cả cạnh tranh***, Công ty đang cố gắng nỗ lực hết mình để mở rộng thị trường kinh doanh và mặt hàng kinh doanh, và mang đến tăng trưởng về mặt giá trị cho quý vị cổ đông. Song song đó, Công ty luôn chú trọng hoàn thiện hệ thống tổ chức, đào tạo và đào tạo lại cán bộ nhân viên đủ trình độ và tay nghề để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, hướng đến mục tiêu dài hạn là **trở thành một trong năm Công ty hàng đầu về kinh doanh lương thực ở Việt Nam**.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long, tôi xin được thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đến sự quan tâm và hỗ trợ tích cực của các ban ngành hữu quan, sự tin tưởng và ủng hộ của các quý vị cổ đông, các nhà đầu tư và đối tác, và đặc biệt là sự nỗ lực không ngừng của tập thể nhân viên Công ty trong những năm qua.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phan Thị Ánh



I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tổng quan

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long

Tên tiếng Anh: Vinh Long Cereal and Food Corporation

Vốn điều lệ: 104.000.000.000 VNĐ (một trăm lẻ bốn tỷ đồng)

Tổng số lượng cổ phần: 10.400.000 cổ phần

Trụ sở chính: 38 Đường 2/9, P.1, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (070) 3822 512 – 3822 516 – 3822 712

Fax : (070) 3823 773

Website : www.vinhlongfood.com.vn

Email : vinhlongfood@hcm.vnn.vn



Sứ mệnh

"Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao với giá cả cạnh tranh, tạo sự tăng trưởng lợi nhuận thông qua sự điều hành hiệu quả và mang đến giá trị cho cổ đông".

Phương châm

"Lắng nghe và đáp ứng vượt sự mong đợi của khách hàng"

Mục tiêu

"Trở thành một trong năm Công ty hàng đầu về kinh doanh lương thực"

2. Những sự kiện quan trọng

- ✓ Ngày 13/04/1993, theo Quyết định số 190/UBT của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Long, Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long được hình thành do sự sáp nhập của Công ty Lương Thực Thực Phẩm Tỉnh Vĩnh Long và Công ty Lương Thực Thị xã Vĩnh Long.
- ✓ Cuối năm 1995 theo Quyết định số 40/CP của Thủ tướng Chính phủ, Công ty được bàn giao về Tổng công ty Lương Thực Miền Nam hoạt động cho đến nay.
- ✓ Hiện Công ty là thành viên của Hiệp hội lương thực Việt Nam, Hội viên phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam, và có chi nhánh đại diện đặt tại số 31 Nguyễn Kim - quận 5, HCM.
- ✓ Ngày 01/08/2006, Công ty đã nhận được Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn về việc chuyển đổi Công ty Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long thành Công ty cổ phần Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long với vốn đăng ký kinh doanh là 52.000.000.000 đồng.



- ✓ Ngày 03/03/2009, Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc chia bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 104 tỷ đồng và niêm yết toàn bộ 10.400.000 cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và tiến hành thực hiện các trình tự hồ sơ thủ tục niêm yết;
- ✓ Ngày 22/09/2009, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và UBCKNN, Công ty đã phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông với tỷ lệ 1:1. Như vậy, nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu của công ty tăng lên 104.000.000.000 đồng tương ứng với số lượng cổ phiếu tăng lên 10,4 triệu cổ phiếu.
- ✓ Ngày 25/10/2010, thống nhất chủ trương triển khai dự án nhà máy xay xát, chế biến lương thực xuất khẩu tại huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang tiến tới thành lập Công ty TNHH 01 thành viên. Dự án được triển khai trên diện tích 80.000 m² với sức chứa trên 100.000 tấn.
- ✓ Ngày 12/11/2010 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lương thực Kiên Nông được thành lập với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, chủ sở hữu là Công ty cổ phần Lương Thực Thực phẩm Vĩnh Long.
- ✓ Ngày 21/12/2010, toàn bộ cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn Giao dịch Chứng khoán TPHCM với mã cổ phiếu VLF, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của Công ty.

3. Quá trình phát triển

a. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Mua bán lương thực thực phẩm, nông lâm sản, nguyên liệu, đồ uống không cồn;
- ✓ Mua bán phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- ✓ Mua bán máy móc nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng và phụ tùng thay thế;
- ✓ Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử viễn thông và điều khiển, điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy in, vật tư ngành in và phụ tùng, máy photocopy...);
- ✓ Mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, mô tô, xe máy;
- ✓ Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, mô tô, xe máy; Mua bán vật liệu xây dựng, gỗ, kim khí;
- ✓ Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, các chất bôi trơn và làm sạch động cơ, khí đốt (gas);
- ✓ Mua bán đồ gia dụng thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, thiết bị thể dục thể thao;



- ✓ Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, mỹ phẩm, hạt nhựa PE, hương liệu dùng trong thực phẩm; Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- ✓ Nuôi trồng thủy sản; Chế biến bảo quản thủy sản, sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Đại lý bảo hiểm;
- ✓ Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- ✓ Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- ✓ Dịch vụ nhà đất;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống;
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông;
- ✓ Hoạt động kho bãi;
- ✓ Dệt bao bì nhựa PV và PE;
- ✓ Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô;
- ✓ Sản xuất các loại bánh từ bột;
- ✓ Sản xuất đồ uống không cồn.

b. Các thành tích đạt được

2010	<p>Chứng nhận Thương hiệu Việt hàng đầu “Top 100 thương hiệu 2010”</p>	
	<p>Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng doanh nghiệp phát triển đúng hướng và bền vững, tiêu biểu trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao năm 2010.</p>	



	<p>Doanh nghiệp xuất nhập khẩu uy tín năm 2009</p>	 <p>A certificate with a blue border and a central logo. The text includes 'DANH HIỆU DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU UY TÍN ĐƯỢC TRAO CHO Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long' and 'Đã có thành tích trong hoạt động xuất khẩu năm 2009'. It is signed by the Ministry of Industry and Trade.</p>
<p>2009</p>	<p>Cúp vàng Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam</p>	 <p>A certificate with a gold border and a central image of a trophy. The text includes 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc BAN TỔ CHỨC FESTIVAL LÚA GẠO VIỆT NAM HẠ GIANG 2009 VIETNAM RICE FESTIVAL ORGANIZATION BOARD HẠ GIANG 2009' and 'Cúp vàng Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam năm 2009 ACHIEVED GOLDEN CUP "VIETNAMESE PRESTIGIOUS RICE - EXPORTING ENTERPRISES 2009"'. It is signed by the festival organization board.</p>
	<p>Chứng nhận Doanh nghiệp tiêu biểu xuất sắc tỉnh Vĩnh Long</p>	 <p>A certificate with a gold border and a central logo. The text includes 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Dân Chủ - Tự Do - Hạnh Phúc ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG' and 'CHỨNG NHẬN DANH HIỆU DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU XUẤT SẮC TỈNH VINH LONG NĂM 2009 CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM TỈNH VINH LONG'. It includes a quote: 'Với thành tích xây dựng doanh nghiệp phát triển vững mạnh tiêu biểu trong ngành trên thị trường xuất khẩu hàng gạo'. It is signed by the Provincial People's Committee.</p>



	<p>Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý góp phần xây dựng và phát triển ngành khoa học công nghệ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 1979-2009</p>	
<p>2008</p>	<p>Danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín</p>	
<p>2007</p>	<p>Bằng khen về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác</p>	
	<p>Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam – Thương hiệu vàng chất lượng”</p>	





	<p>Bằng khen thành tích thực hiện tốt chính sách thuế</p>	
<p>2006</p>	<p>Bằng khen thành tích chấp hành tốt chính sách thuế</p>	
	<p>Huân chương lao động Hạng Nhất vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc</p>	

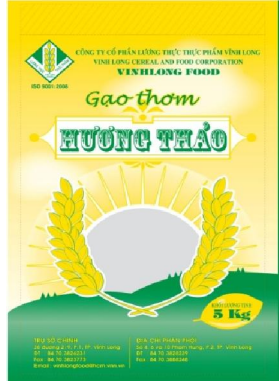


c. Tình hình hoạt động

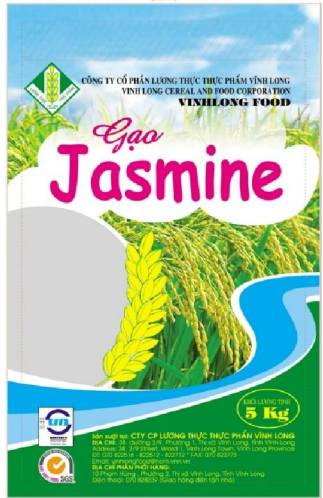
✓ **Kinh doanh lương thực:** Một số loại gạo chính của Công ty:

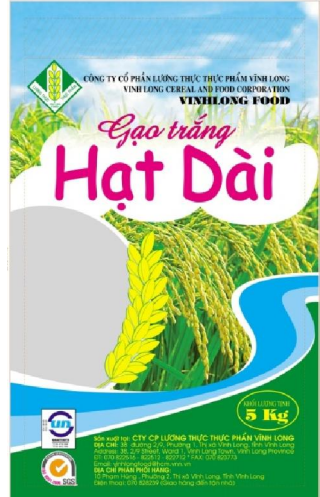
<p>Gạo đặc sản Ban Mai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm: Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng. - Thị trường nội địa: đóng gói 2 – 5kg - Thị trường xuất khẩu: đóng gói theo yêu cầu khách hàng - Nguyên liệu chính sản xuất: gạo nguyên liệu thơm nhẹ. 	
---	---

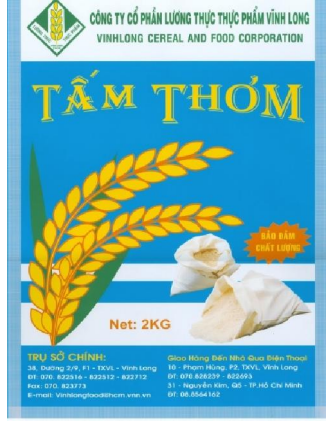
<p>Gạo đặc sản Trạng Nguyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm: Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng. - Thị trường nội địa: đóng gói 2 – 5kg - Thị trường xuất khẩu: đóng gói theo yêu cầu khách hàng - Nguyên liệu chính sản xuất: gạo nguyên liệu Lài trắng trong. 	
---	--

<p>Gạo hương thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm: Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng. - Thị trường nội địa: đóng gói 2 – 5kg - Thị trường xuất khẩu: đóng gói theo yêu cầu khách hàng - Nguyên liệu chính sản xuất: gạo nguyên liệu Lài trắng đục. 	
---	---




<p>Gạo Jasmine</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm: Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ, đảm bảo an toàn cho người sử dụng - Thị trường nội địa: đóng gói 2 – 5kg - Thị trường xuất khẩu: đóng gói theo yêu cầu khách hàng - Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS/VLF/4:2007 của công ty đã được công bố theo số 04/VLF/2007 và được chấp nhận rộng rãi; được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5644:1999. - Nguyên liệu chính sản xuất: gạo nguyên liệu Jasmine trắng hoặc lức. 	
--	---

<p>Gạo trắng hạt dài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm: Gạo trắng hạt dài có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt gạo và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng. - Thị trường nội địa: đóng gói 2 – 5kg - Thị trường xuất khẩu: đóng gói theo yêu cầu khách hàng - Nguyên liệu chính sản xuất: gạo nguyên liệu IR và OM trắng hoặc lức. 	
--	--

<p>Gạo Tắm thơm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm: Tắm thơm có màu trắng trong, hương thơm nhẹ, tự nhiên, phù hợp với tiêu dùng, an toàn cho người sử dụng - Thị trường nội địa: đóng gói 2 – 5kg - Thị trường xuất khẩu: đóng gói theo yêu cầu khách hàng - Tiêu chuẩn xuất khẩu TCCS/VLF/7:2007 của công ty đã được công bố theo số 07/VLF/2007 - Nguyên liệu chính sản xuất: được thu hồi từ gạo thơm 5% tắm hoặc 10% tắm. 	
---	---



<p>Gạo Nếp thơm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm: Nếp thơm có màu trắng đục, hương thơm nhẹ, tự nhiên, xát kỹ và đánh bóng nước 2 lần, loại bỏ hết lớp cám làm tăng độ bóng hạt nếp và tăng tính thẩm mỹ cũng như đảm bảo an toàn cho người sử dụng - Thị trường nội địa: đóng gói 2 – 5kg - Thị trường xuất khẩu: đóng gói theo yêu cầu khách hàng - Tiêu chuẩn cơ sở TCCS/VLF/6:2007 của công ty đã được công bố theo số 06/VLF/2007 - Nguyên liệu: Nếp thơm nguyên liệu trắng hoặc lức. 	
---	---

✓ **Kinh doanh mì màu - Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc**

Công ty chuyên cung cấp khô dầu đậu nành, khô dầu bắp xuất xứ Nam Mỹ, khoai mì lát, bắp hạt cho các đơn vị chế biến thức ăn gia súc trong nước.



Khô dầu đậu nành



Khoai mì lát



Bắp hạt

✓ **Sản xuất và kinh doanh bao bì - hạt nhựa :**



Hạt nhựa



Sợi các loại



Manh cuộn các loại



Bao PP các loại



✓ **Hoạt động sản xuất chế biến gạo:**



- Xí nghiệp có phát huy khả năng tự sản xuất chế biến nhưng so với năng lực máy móc hiện có các Xí nghiệp vẫn chưa sử dụng hết năng suất. Tỷ lệ thu hồi thành phẩm đạt 98,84% so với năm 2009 tăng 0,04% do Công ty đầu tư đổi mới thiết bị nên tỷ lệ thu hồi năm 2010 cao hơn năm 2009.
- Nhìn chung, năm 2010 các Xí nghiệp CBLT có sự quyết tâm cao và nghiêm túc chấp hành ý kiến chỉ đạo của Ban điều hành trong công tác mua vào, bán ra. Tuy sản lượng chưa đạt kế hoạch chỉ tiêu giao đầu năm nhưng các Xí nghiệp đều có lãi.

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Bên cạnh duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện có, Công ty đang tiến hành đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng mạng lưới khách hàng, thị trường và quy mô hoạt động. Công ty phấn đấu tăng sản lượng gạo năm 2011 là 200.000 tấn, đến năm 2015 là 320.000 tấn.

Ngoài ra, trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, Công ty xác định chiến lược phát triển khách hàng nằm ở chất lượng gạo và chất lượng dịch vụ. Chính vì vậy, Công ty không ngừng tăng cường nâng cao chất lượng hàng hóa cũng như xây dựng các quy trình quản lý ngày càng hiệu quả hơn.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty hiện đang đầu tư xây dựng thêm hệ thống các kho dự trữ và cung ứng sản phẩm, nâng trữ lượng kho lên từ 70.000 đến 170.000 tấn.

Ngoài ra Công ty hiện đang tham gia liên kết đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, chế biến thủy sản, các dự án vùng kho dự trữ tại các vùng nguyên liệu trọng điểm...



II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật trong năm

a. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh

Thị trường gạo năm 2010 diễn biến hết sức khó lường, đặc biệt giá cả tăng giảm rất khác biệt so với những năm trước, đầu năm giá tăng cao, giảm sâu vào giữa năm và tăng bật trở lại vào những tháng gần cuối năm. Sự đảo ngược nhanh chóng của thị trường đã làm cho nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gạo nói chung và Công ty CP Lương thực thực phẩm Vĩnh Long đã gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Công ty đã nhanh chóng triển khai áp dụng đồng loạt nhiều biện pháp để tháo gỡ khó khăn như: chỉ đạo các Xí nghiệp mua hàng nhanh, đàm phán lại với khách hàng yêu cầu gia hạn thời gian giao hàng. Từ các biện pháp trên, Công ty vừa hạn chế được tối đa mức độ thiệt hại trong hiệu quả kinh doanh, vừa vẫn giữ được chữ tín với khách hàng. Trong năm 2010, tuy sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty chưa đạt kế hoạch đề ra đầu năm nhưng so với mặt bằng kinh doanh chung thì Công ty vẫn đứng ở vị trí cao và so với năm 2009 lợi nhuận tăng 8,11%. Kết quả trong năm đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009 (triệu đồng)	Năm 2010 (triệu đồng)	Tăng giảm so với năm 2009
1	Doanh thu thuần	1.698.987	1.473.284	-13,28%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39.869	46.285	16,09%
3	Lợi nhuận trước thuế	42.024	45.006	7,10%
4	Lợi nhuận sau thuế	31.683	34.248	8,10%

Nguồn: Vĩnh Long Food

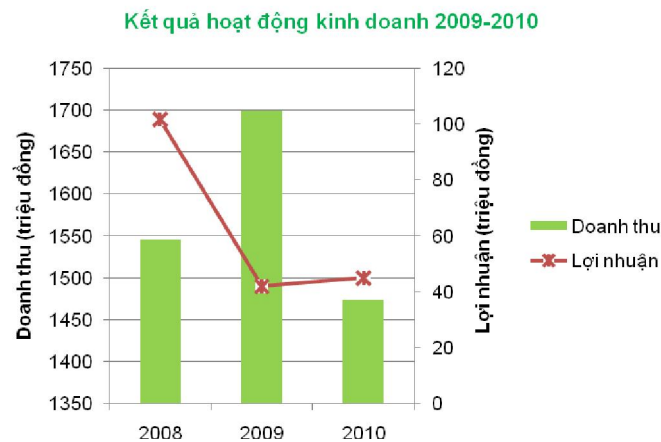
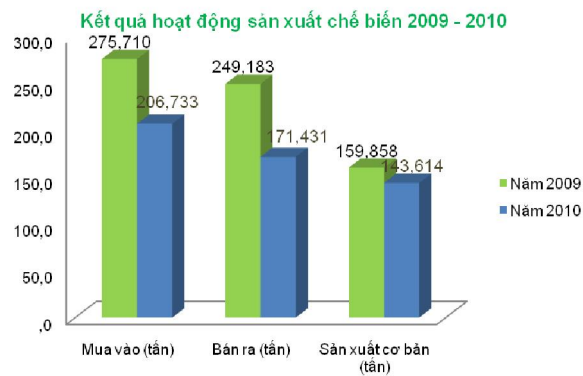
Tính sơ bộ trong năm 2010, doanh thu đạt được 1.473 tỷ đồng, giảm 13,28% so với năm 2009, tuy nhiên, lợi nhuận thuần từ HĐKD lại có tăng 16,09%, đạt 46 tỷ đồng, thể hiện sự hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí của Công ty trong năm 2010.



b. Về hoạt động kinh doanh chế biến gạo, kết quả hoạt động sản xuất chế biến và kinh doanh của các Xí nghiệp chế biến lương thực đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tăng giảm so với năm 2010
1	Mua vào (tấn)	275.710	206.733	-25,02%
2	Bán ra (tấn)	249.183	171.431	-31,20%
3	Sản xuất cơ bản (tấn)	159.858	143.614	-10,16%
4	Doanh thu (triệu đồng)	1.698.987	1.473.284	-13,28%
5	Lợi nhuận (triệu đồng)	42.024	45.006	7,10%

Nguồn: Vinh Long Food



Như đã trình bày ở trên, thị trường gạo năm 2010 biến động khó lường, do đó, hoạt động sản xuất và kinh doanh mặt hàng gạo có phần giảm sút so với năm . Khối lượng gạo mua vào ở khoảng 206.733 tấn, giảm 25% so với năm ngoái, trong khi khối lượng gạo bán ra chỉ



đạt 171,431 tấn, giảm 31%. Từ đó kéo theo doanh thu giảm 13%. Tuy nhiên, lợi nhuận vẫn tăng 7,10%.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010 (triệu đồng)	Kế hoạch 2010 (triệu đồng)	Tăng giảm so với kế hoạch 2010
1	Tổng doanh thu	1.473.327	2.370.200	-37,84%
2	Lợi nhuận trước thuế	45.006	60.000	-24,99%
3	Nộp ngân sách	55.479	14.352	286,56%
4	Lợi nhuận sau thuế	34.254	45.000	-23,88%

Nguồn: Vĩnh Long Food

Với những khó khăn chung của nền kinh tế và biến động của ngành gạo, năm 2010 chưa đạt được những mục tiêu đã đề ra vào đầu năm.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Công tác phát triển thị trường

- Đối với thị trường trong nước:

Công ty đã xây dựng phương án mở rộng thị trường nội địa tăng tỷ trọng thị phần trong Tỉnh và khu vực bằng các hình thức:

- Thiết kế, cải tiến mẫu mã bao bì đóng gói đa dạng với nhiều mức giá phù hợp với thu nhập của người tiêu dùng.
- Có chính sách khuyến mãi, chiết khấu bán hàng cho những đại lý.
- Thái độ phục vụ tận tình, giao hàng tận nhà qua điện thoại.
- Chú trọng việc bán cung ứng cho các đơn vị xuất khẩu.

- Đối với thị trường xuất khẩu:

- Công ty tổ chức nhiều đoàn đi khảo sát các thị trường như: Đông Bắc Á, Nam Á, Châu Phi để tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của khách hàng. Do đó 3 năm qua Công ty đã duy trì được khách hàng cũ đồng thời thu hút thêm nhiều khách hàng mới như: Trung Quốc, Bangladesh,...
- Thu thập thông tin thị trường, giá cả, cập nhật thông tin về khách hàng.
- Mở rộng vùng kho, xây dựng và nâng cấp hệ thống kho tàng, đầu tư mua sắm thiết bị máy móc để bảo quản tốt nguyên liệu, ổn định chất lượng gạo đáp ứng theo nhu cầu khách hàng.
- Xây dựng và áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật để hạ giá thành sản xuất.



- Chất lượng sản phẩm:

Để quản lý tốt chất lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường, ngoài việc áp dụng các tiêu chuẩn của ngành, của Tổng Cục, Công ty cũng đã công bố ban hành tiêu chuẩn cơ sở và đầu tư mới các thiết bị kiểm nghiệm cho Phòng phân tích, nhằm đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng xuất khẩu và nội địa về chất lượng sản phẩm.

Nhằm nâng cao hơn nữa tính cạnh tranh về quản lý chất lượng, Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cho Văn phòng và các Xí nghiệp.

Việc áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật của ngành, các tiêu chuẩn cơ sở của Công ty và quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong sản xuất đã nâng cao hiệu quả chế biến, tiết kiệm chi phí sửa chữa máy móc, nâng tỷ lệ thu hồi thành phẩm trong xay xát chế biến, giảm giá thành, góp phần tạo thêm lợi nhuận cho Công ty.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Năm 2011, thị trường gạo được đánh giá sẽ có xu hướng đi lên so với năm 2010. Tuy nhiên vẫn còn các yếu tố rủi ro khó lường như: tình hình tài chính, tiền tệ còn nhiều phức tạp, diễn biến giá dầu thế giới, vì nó sẽ tác động đến giá vật tư hàng hóa, dẫn đến chi phí, giá thành sản xuất lúa gạo tăng theo, thời tiết bất thường làm ảnh hưởng cung cầu gạo thế giới.

Năm 2011, Công ty định hướng nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Kinh doanh gạo: tiếp tục xác định gạo là mặt hàng kinh doanh chủ lực, tập trung đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại để đạt số lượng bán ra là **200.000 tấn** (trong đó: xuất khẩu 150.000 tấn, bán nội địa 50.000 tấn). Kim ngạch xuất khẩu ước đạt **62.500.000 USD**.
- Kinh doanh các mặt hàng khác: duy trì và phát triển mạng lưới tiêu thụ nội địa để mở rộng thị trường kinh doanh các mặt hàng mì màu, nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc,... đạt sản lượng 18.000 tấn/năm.
- Sản xuất và tiêu thụ bao PP 8.000.000 chiếc/năm.
- Xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động vùng kho Xí nghiệp Lương thực Tam Bình sức chứa 8.500 tấn, giá trị dự toán 19,5 tỷ đồng; triển khai xây dựng giai đoạn 1 dự án hệ thống máy xay xát – sấy – lau bóng gạo xuất khẩu tại Công ty TNHH MTV Lương thực Kiên Nông với tổng sức chứa trên 100.000 tấn tại địa bàn huyện Hòn Đất (Kiên Giang) với diện tích 80.000m².
- Ngoài ra trong năm 2011, công ty sẽ tham gia góp vốn 20% vào Công ty cổ phần Tam Nông (vốn điều lệ 50 tỷ đồng).
- Năm 2011, phấn đấu mức lợi nhuận trước thuế là 52 tỷ đồng, và cam kết chi trả cổ tức cho cổ đông ít nhất là 20%/vốn điều lệ.



III. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2010	2009	2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,17	1,17	1,51
- Hệ số thanh toán nhanh	0,89	0,36	1,09
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,69	0,64	0,40
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,18	1,74	0,68
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	8,28	6,08	52,22
- Vòng quay tổng tài sản	2,67	3,89	5,94
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,32%	1,86%	6,58%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	19,92%	19,89%	65,56%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	6,26%	7,25%	39,10%
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,14%	2,35%	6,71%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, 2009 và BCTC 2010

Năm 2010, mặc dù nợ ngắn hạn tăng 66% so với năm 2009, tuy nhiên, nhờ vào tài sản lưu động tăng và lượng hàng tồn kho giảm đáng kể, chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty cải thiện hơn so với năm ngoái. Cơ cấu Nợ/Tổng Tài Sản không có nhiều biến động. Vòng quay hàng tồn kho đạt 8,28, cao hơn năm 2009 với 6,08 vòng, chứng tỏ việc quản lý hàng tồn kho đã tốt hơn so với năm ngoái, trong khi đó, vòng quay tổng tài sản giảm còn 2,67; một phần do doanh thu giảm nhẹ, một phần cho tổng tài sản tăng cao từ việc đầu tư máy móc thiết bị của Công ty nhằm tăng năng suất và cải thiện hiệu quả sản xuất trong các năm sau.

Đối với các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, năm 2010 đã có những dấu hiệu khả quan hơn so với năm 2009, hệ số ROE cũng được cải thiện tuy không nhiều. Riêng hệ số ROA giảm xuống còn 6,26% từ 7,25% năm 2009, do trong năm Công ty đã tiến hành đầu tư mua sắm thiết bị, máy móc (lắp đặt băng tải, bồn chứa thành phẩm, máy xát trắng, máy in bao PP...) dẫn tới tổng tài sản tăng cao. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 2,32% trong khi năm 2009 con số này chỉ là 1,86%. Điều này đã chứng tỏ sự nỗ lực không ngừng của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc cải thiện khả năng sinh lời của Công ty, trong bối cảnh các điều kiện khách quan không thuận lợi cho ngành gạo như năm vừa qua.



Những thay đổi về cổ đông vốn góp:

Trong năm 2010, Công ty không có thay đổi về vốn góp của các Cổ đông. Vốn đầu tư của CSH vẫn giữ ở mức 104 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 40% và các đối tượng khác nắm giữ 60%.

Thông tin về cổ phiếu, trái phiếu và cổ tức của Công ty:

Số cổ phiếu của Công ty hiện nay là 10.400.000 cổ phiếu, bao gồm toàn bộ là cổ phiếu thường, không có cổ phiếu ưu đãi. Trong đó không có cổ phiếu quỹ, toàn bộ 10.400.000 cổ phiếu của Công ty đều đang lưu hành trên thị trường.

Sau ba năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty đã từng bước duy trì mức lợi nhuận cao và mức chi cổ tức cho cổ đông cụ thể như sau: năm 2007 cổ tức là 4,5%/năm, năm 2008 là 145%, năm 2009 là 20% và dự kiến năm 2010 là 25%

2. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2010 (triệu đồng)	Năm 2009 (triệu đồng)	So với năm 2009 (%)	Kế hoạch năm 2010 (triệu đồng)	So với kế hoạch năm 2010 (%)
Tổng doanh thu	1.473.284	1.698.987	-13,28%	2.370.200	62,16%
Lợi nhuận trước thuế	45.006	42.024	7,10%	60.000	75,01%
Nộp ngân sách	55.479	10.341	436,50%	14.352	386,56%
Lợi nhuận sau thuế	34.254	31.683	8,11%	45.000	76,12%

Nguồn: Vinh Long Food

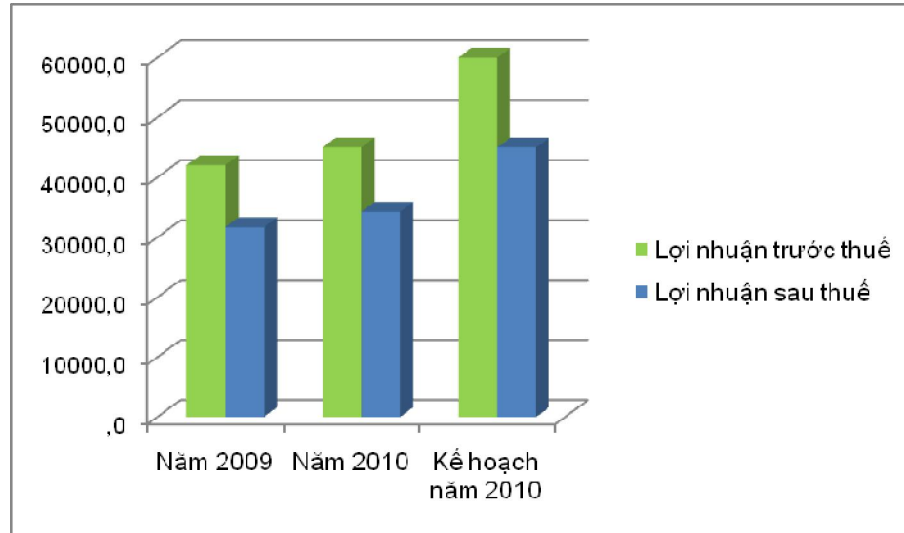
- Trong năm 2010, doanh thu thuần Công ty đạt 1.473 tỷ đồng, đạt 62,16% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do sản lượng xuất khẩu chỉ đạt 121.168 tấn so với kế hoạch đầu năm là 200.000 tấn.

Nhu cầu thị trường thương mại quý 1 và nửa đầu quý 2 hầu như không có và giá giảm liên tục, trong khi giá gạo nội địa cao hơn nhiều so với giá thế giới. Mặc khác, lúc đó Việt Nam cũng khó triển khai các hoạt động thương mại do trên thị trường có sự tham gia của Myanmar cạnh tranh trực tiếp đối với dòng sản phẩm chất lượng thấp và trung bình của Việt Nam. Từ cuối quý 2 đầu quý 3, nhu cầu thị trường xuất khẩu có khởi sắc và tăng dần. Giá xuất khẩu có tăng lên nhưng do các doanh nghiệp ký hợp đồng quá nhiều vào tháng 6/2010 với giá thấp và giao hàng cùng lúc nên giá nội địa tăng đột biến ảnh hưởng đến hiệu quả các hợp đồng đã ký. Nguyên nhân đó cũng làm ảnh hưởng đến việc ký thêm hợp đồng mới. Để bảo toàn hiệu quả cuối năm nên công ty cũng thận trọng trong việc ký hợp đồng chỉ giao dịch và ký những hợp đồng giá tốt, ngoài ra một số hợp đồng tập trung công ty được phân bổ trong năm đã chuyển sang năm 2011 khoảng 20.000 tấn đã làm cho sản lượng xuất khẩu thực hiện trong năm 2010 giảm đáng kể nên doanh thu cũng rất thấp.



- Năm 2010, lợi nhuận trước thuế đạt 45 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm trước và đạt 75% so với kế hoạch đề ra. Như vậy, mặc dù chưa đạt được kế hoạch, nhưng lợi nhuận biên của Công ty đã được cải thiện nhờ vào chính sách của Ban trong việc kiểm soát giá đầu vào, từ đó giảm chi phí giá vốn hàng bán.

Tăng trưởng lợi nhuận năm 2009-2010 (đơn vị: triệu đồng)



3. Những tiến bộ đạt được

Công tác XDCCB-Mua sắm máy móc thiết bị

Trong năm 2010, tổng trị giá đầu tư thực hiện là 2,812 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản 1,450 tỷ đồng, mua sắm máy móc thiết bị là 1,362 tỷ đồng.

Công ty chủ yếu sửa chữa nâng cấp kho tàng và đầu tư mua sắm thêm một số thiết bị, cụ thể như lắp đặt băng tải, bồn chứa thành phẩm, máy xát trắng, máy in bao PP,... để nâng cao năng lực sản xuất, tăng độ thông thoáng của kho để bảo quản hàng hóa tốt hơn..

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty nhận thức rằng: việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng ổn định phù hợp với tiêu chuẩn, các chuẩn mực cụ thể và được công nhận bởi cơ quan chuyên môn là yêu cầu thiết yếu giúp Công ty kiểm soát sản xuất, cải tiến năng suất cũng như tạo dựng niềm tin với khách hàng, người tiêu dùng và cộng đồng. Điều này cũng là giấy thông hành giúp Công ty vượt qua các rào cản kỹ thuật của thị trường.

Để thực hiện mục tiêu, ngay từ năm 2001, Công ty đã xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 và được tổ chức UKAS (Vương quốc Anh) đánh giá chứng nhận. Từ đó đến nay, Công ty đã mở rộng phạm vi áp dụng đến 5 trong 8 xí nghiệp chế biến lương thực trong Công ty và sẽ tổ chức đánh giá xí nghiệp còn lại trong năm 2011. Trong năm 2010, Công ty đã cải tiến và nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng từ ISO 9001: 2000 lên hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, đồng thời Công ty cũng đã triển khai thành công phương pháp quản lý môi trường làm việc 5S cho Xí nghiệp bao bì. Việc áp dụng Hệ



thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 giúp kiểm soát sản xuất chặt chẽ, các quá trình thực hiện mang tính khoa học, hợp lý và cung cấp cho thị trường sản phẩm có chất lượng ổn định đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Các biện pháp kiểm soát

Tất cả các hoạt động kinh doanh, sản xuất sản phẩm và dịch vụ của Công ty đều tuân thủ các nguyên tắc của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, bao gồm 8 nguyên tắc sau:

- Tổ chức chú trọng vào khách hàng,
- Vai trò lãnh đạo,
- Mọi người đều tham gia,
- Tiếp cận theo quá trình,
- Quản lý theo hệ thống,
- Cải tiến liên tục,
- Quyết định theo sự kiện,
- Quan hệ cùng có lợi với nhà cung cấp.

Và trên cơ sở 6 thủ tục cơ bản

- Thủ tục kiểm soát hồ sơ
- Thủ tục kiểm soát tài liệu
- Thủ tục đánh giá nội bộ
- Thủ tục xem xét của lãnh đạo
- Thủ tục hành động khắc phục
- Thủ tục hành động phòng ngừa

Ngoài ra, công ty còn áp dụng trên 20 thủ tục và hướng dẫn khác, cụ thể:

- Thủ tục mua hàng
- Thủ tục bán hàng và xem xét hợp đồng
- Thủ tục đánh giá nhà cung ứng
- Thủ tục kiểm soát kế hoạch sản xuất và qui trình sản xuất
- Thủ tục kiểm soát sản phẩm không phù hợp
- Thủ tục đo lường theo dõi sản phẩm
- Thủ tục tuyển dụng, đào tạo.
- Thủ tục bảo trì thiết bị, nhà xưởng
- Hướng dẫn kiểm tra chất lượng bao bì
- Hướng dẫn thu thập ý kiến khách hàng
- Hướng dẫn thông tin nội bộ
- Hướng dẫn sử dụng các loại máy trong dây chuyền lau bóng gạo
- Lưu kho, bảo quản, đóng gói
- Hướng dẫn kiểm tra thiết bị đo, xịt mọt



Trên cơ sở phát huy những cải tiến như cam kết, các năm qua, Công ty đã đổi mới trang thiết bị, đầu tư mua sắm và cải tiến hệ thống chế biến gạo tại các Xí nghiệp trực thuộc có khả năng chế biến các loại gạo có phẩm chất cao như gạo thơm, jasmine, gạo 5% tấm... Quy trình chế biến, kế hoạch kiểm soát sản xuất và kiểm soát chất lượng gạo được văn bản hóa thành các tài liệu hướng dẫn nhằm đảm bảo sự nhất quán trong quá trình sử dụng cũng như giúp kiểm soát các quy trình hợp lý và khoa học hơn. Các công đoạn trong quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ, nhanh chóng phát hiện và xử lý kịp thời khi phát sinh sản phẩm không phù hợp nhằm cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng tốt nhất với giá cả cạnh tranh nhất.

Công ty đã thành lập riêng một bộ phận quản lý chất lượng, đồng thời, Công ty cũng định hướng kết hợp với các ban, ngành quy hoạch vùng nguyên liệu chất lượng và áp dụng các mô hình sản xuất đảm bảo chất lượng nguyên liệu, thâm canh tổng hợp

4. Kế hoạch phát triển trong năm

- Bên cạnh việc khai thác tối đa công suất chế biến và sức chứa kho tàng tại các Xí nghiệp trực thuộc, việc tìm kiếm mở rộng thị trường sẽ được thực hiện để đạt sản lượng xuất khẩu trong năm 2011 là 150.000 tấn, song song đó Công ty cũng đang tăng cường kinh doanh mặt hàng gạo nội địa chất lượng cao cho nhu cầu tiêu dùng của người dân trong Tỉnh Vĩnh Long và khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh nhập khẩu ngành hàng nông sản, nguyên liệu chế biến thức ăn và hiện đang tìm kiếm thêm thị trường tiêu thụ cho ngành hàng này để đạt được sản lượng dự kiến 18.000 tấn.
- Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2011
1. Số lượng bán ra			
- Gạo các loại	Tấn	171.431	200.000
+ Xuất khẩu	Tấn	121.168	150.000
+ Nội địa	Tấn	50.263	50.000
- Nông sản và nguyên liệu CBTĂCN	Tấn	8.995	18.000
- Bao bì	Cái	5.470.061	8.000.000
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.473.284	1.900.000
- Gạo	Triệu đồng	1.373.475	1.735.000
- Nông sản và nguyên liệu CBTĂCN	Triệu đồng	67.985	105.000
- Bao bì	Triệu đồng	24.886	28.000
- Hàng hóa khác	Triệu đồng	6.938	32.000
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	45.006	52.000

Nguồn: Vĩnh Long Food



IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát

Công tác quản lý, điều hành Công ty

- Trong năm 2010, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty; đồng thời HĐQT cũng ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm định hướng cho Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010.
- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều mang tính tập trung, có sự thống nhất cao, được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị và đáp ứng được yêu cầu điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc.
- Trong năm qua, tình hình kinh tế đất nước vô cùng khó khăn, giá cả lương thực tăng giảm nhanh chóng, diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, HĐQT và Ban điều hành đã hoạt động tích cực, năng động nắm bắt tình hình kịp thời, vận dụng hợp lý các chính sách của Nhà nước để khắc phục những biến động bất lợi và tận dụng các cơ hội thuận lợi trong kinh doanh đem lại lợi nhuận cho Công ty.

Tình hình kinh doanh của Công ty

- Về cơ bản, BKS nhất trí với các nội dung trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010.
- BKS đề nghị HĐQT, Giám đốc Công ty cần chú trọng xây dựng và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư để đảm bảo đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao và đem lại việc làm cho CBCNV của Công ty để Công ty phát triển ổn định, vững chắc.

Báo cáo tài chính của Công ty

- Các báo cáo kế toán, sổ sách chứng từ hạch toán được ghi chép và lưu trữ phù hợp với chế độ quy định của Nhà nước cũng như các quy định của Công ty.
- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng quy định, báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

2. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát

Về công tác đầu tư XDCB:

Cần nhắc và thận trọng trong công tác đầu tư mở các nhà máy mới; cần chuẩn hóa quy trình chức năng lập dự án, thực hiện và quản lý dự án đầu tư; định kỳ phân tích, đánh giá hiệu quả dự án nhằm đảm bảo chất lượng dự án đầu tư, kịp thời nắm bắt để có biện pháp điều chỉnh,



khắc phục những hạn chế, phát huy hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho từng dự án.

Đầu tư tài chính:

Công ty cần nhanh chóng cắt lỗ cho các khoản đầu tư tài chính từ những năm trước để thu hồi vốn tập trung cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Công tác sản xuất kinh doanh

Công ty cần tích cực hơn nữa trong việc tìm đầu ra cho hoạt động sản xuất bao bì để nâng công suất nhà máy, giảm giá thành sản phẩm, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

Về công tác tài chính kế toán

Công ty phải cập nhật liên tục, kịp thời các chính sách, quy định của Nhà Nước về quản lý thuế, tài chính, xuất khẩu vì các quy định này liên tục được điều chỉnh, thay đổi và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của công ty;

Công ty nên đầu tư phần mềm Tài chính Kế toán trực tuyến để cập nhật nhanh chóng số liệu, cung cấp các báo cáo quản trị cho Ban điều hành, phục vụ kịp thời công tác công bố thông tin của Công ty.



V. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

1. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn góp : không có
- Công ty có trên 50% vốn góp : không có
- Công ty góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần :

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số vốn liên doanh liên kết hoặc mua cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Công ty TNHH TM Sài Gòn – Vĩnh Long	Vĩnh Long	Siêu thị	5.250.000.000	26,25	Liên kết
Công ty Cổ phần DOCIFISH	Đồng Tháp	Chế biến thức ăn; nuôi trồng, chế biến thủy sản	13.243.070.000	13,35	Mua CP
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ	Ninh Thuận	Du lịch	5.000.000.000	5,72	Mua CP
Nhà máy bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Vĩnh Long	Sản xuất rượu bia, nước giải khát	500.000.000	0,2%	Mua CP

Nguồn: Vĩnh Long Food

2. Tình hình tài chính của các Công ty có liên quan

Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Vĩnh Long

Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 01/2007, với tổng diện tích là 11.000m². Đây là công ty liên doanh có vốn điều lệ 20 tỷ đồng với cơ cấu vốn là Vĩnh Long Food 26,25% và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop 73,75%. Siêu thị Co.op Mart ra đời nhằm phục vụ nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh doanh...

Số liệu	Đơn vị	2010
Vốn điều lệ	Triệu đồng	20.000
Tổng tài sản	Triệu đồng	62.393
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	28.489
Doanh thu thuần	Triệu đồng	248.459
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.860



Công ty cổ phần Docifish

Công ty cổ phần Docifish với cơ cấu vốn điều lệ Docimexco chiếm 73,84%, Công ty Hoàn Mỹ 12,81% và Công ty cổ phần lương thực thực phẩm Vĩnh Long chiếm 13,35%.

Công ty hiện có nhà máy chế biến cá tra xuất khẩu công suất 12.000 tấn thành phẩm/năm, nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản công suất 80.000 tấn thành phẩm/năm và Trung tâm nuôi trồng thủy sản với sản lượng thu hoạch 22.000 tấn nguyên liệu cá tra/năm. Với hệ thống khép kín từ con giống, nuôi cá thương phẩm đến chế biến xuất khẩu, cung cấp thức ăn thủy sản và sản phẩm GTGT từ cá tra thị trường nội địa các tỉnh ĐBSCL và xuất khẩu cá tra đi nhiều nước như: EU, Thụy Sĩ, Trung Đông, Canada, Úc, Mêxico...

Số liệu	Đơn vị	2010
Vốn điều lệ	Triệu đồng	99.229
Tổng tài sản	Triệu đồng	370.981
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	98.833
Doanh thu thuần	Triệu đồng	58.215
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	440

Công ty Cổ phần du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ

Công ty sở hữu khách sạn Sài Gòn - Ninh Chữ sang trọng đạt tiêu chuẩn 4 sao đầu tiên tại Ninh Thuận, cách trung tâm thành phố Phan Rang 7 km về hướng đông, tọa lạc trên diện tích 6,55 ha nhìn ra bãi biển còn đậm nét tinh nguyên với dòng nước lục, với đầy đủ trang thiết bị tiện nghi hiện đại (102 phòng nghỉ có hướng nhìn toàn cảnh ra biển, trong đó có 02 phòng suite, 13 deluxe, 17 superior và 70 standard, với đầy đủ trang thiết bị hiện đại mang đậm phong cách Việt Nam cùng nhiều tiện nghi). Mặc dù qua các năm công suất phòng có tăng nhưng vẫn còn ở mức thấp nên doanh thu khai thác chưa đủ để bù đắp chi phí hoạt động.

Số liệu	Đơn vị	2010
Vốn điều lệ	Triệu đồng	87.400
Tổng tài sản	Triệu đồng	7.261
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	71.634
Doanh thu thuần	Triệu đồng	13.758
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(2.457)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

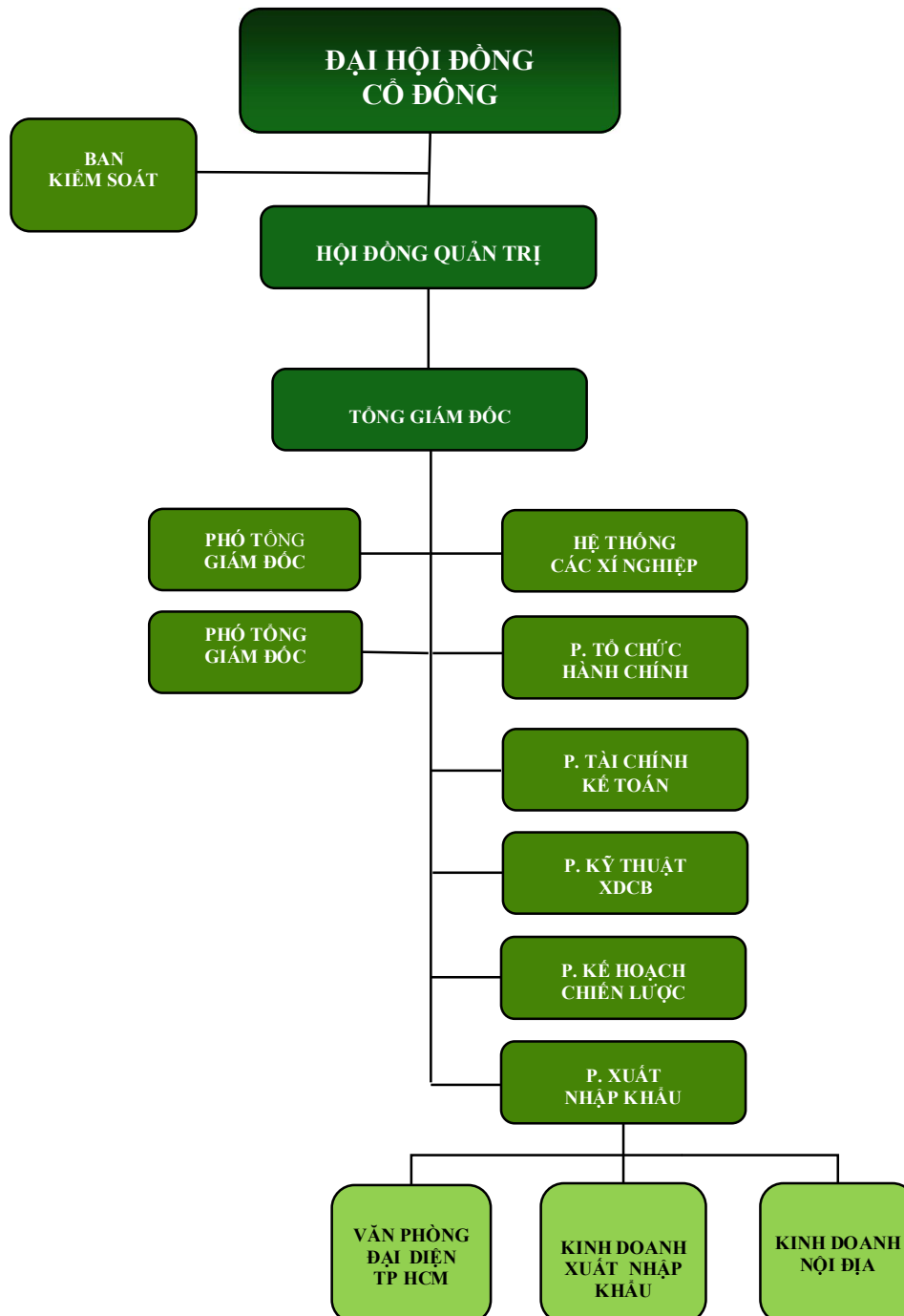
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (Nhà máy bia Sài Gòn - Vĩnh Long) được khởi công xây dựng tháng 8/2010 với tổng mức đầu tư dự kiến 1.500 tỷ đồng thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn và vốn khai thác, trong đó thiết



bị và nhà xưởng chiếm khoảng 1.200 tỷ đồng. Nhà máy được trang bị dây chuyền thiết bị đồng bộ, tiên tiến, các thiết bị chính được nhập khẩu kết hợp với một số thiết bị trong nước. Công suất sản xuất của nhà máy là 100 triệu lít bia/năm. Dự kiến thời gian thi công đến lúc hoàn thành là 16 tháng. Sản phẩm chính là bia Sài Gòn Export và bia lon 333.

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức





2. Tóm tắt lý lịch của Ban Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN THANH HOÀNG	Tổng Giám Đốc
Năm sinh	1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh
Sở hữu cá nhân	3.800 cổ phiếu
Ông TRẦN THANH HÙNG	Phó Tổng Giám Đốc
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, ngành Kế toán tổng hợp
Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Ông NGUYỄN VĂN HỒ	Phó Tổng Giám Đốc
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán tổng hợp
Sở hữu cá nhân	6.600 cổ phần

3. Các thay đổi trong Ban điều hành Công ty:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/03/2010

4. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

Họ tên	Chức vụ	Thù lao và lợi ích (triệu đồng)
Nguyễn Thanh Hoàng	Tổng Giám Đốc	967,0
Trần Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	719,6
Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc	454,2



5. Chính sách đãi ngộ với CBCNV

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2010 là 260 người.

Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty

Phân loại theo trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Đại Học	82	31,54%
Cao đẳng	6	2,31%
Trung cấp	41	15,77%
Công nhân kỹ thuật	16	6,15%
Lao động phổ thông	115	44,23%
Tổng	260	100,00%

Chính sách phúc lợi và đãi ngộ cho CBCNV:

Chính sách đãi ngộ lao động luôn được Vĩnh Long Food liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó lâu dài, phát huy văn hóa doanh nghiệp của Công ty.

- Điều kiện làm việc: Văn phòng, nhà xưởng sạch sẽ thoáng mát, điều kiện môi trường lao động đảm bảo sức khỏe của CBCNV. Công ty cấp đồng phục cho CBCNV, đầu tư các trang thiết bị đầy đủ và các thiết bị an toàn lao động để CBCNV có điều kiện phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.
- Chế độ lương: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên căn cứ vào hiệu quả công việc và theo Quy chế quản lý và phân phối tiền lương của Công ty. Cụ thể, Công ty thực hiện việc trả lương theo 2 hình thức đó là: trả lương cơ bản và trả lương theo kết quả công việc. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm theo chế độ quy định hiện hành và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV. Mức thu nhập bình quân trong năm 2010 của Công ty là 7.858.000 đồng/tháng.
- Thu nhập bình quân 2006: 3.848.000; 2007: 2.685.000; 2008: 3.221.000; 2009: 8.448.000
- Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào hoạt động kinh doanh Công ty, Công ty quan tâm thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho CBCNV nhằm khuyến khích người lao động năng động phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến trong công việc, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh.
- Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định cho tất cả CBCNV. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát ít nhất 1 lần trong năm. Công ty rất chú ý nâng cao đời sống tinh thần của CBCNV.



- Tổ chức công đoàn: Hiện nay Công đoàn Công ty là Tổ chức Công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn Tổng Công ty Lương thực thực phẩm Miền Nam gồm 160 đoàn viên chia ra sinh hoạt tại 13 tổ Công đoàn trực thuộc. Công đoàn Công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên tổ chức cho CBCNV đi tham quan nhân các ngày lễ lớn trong năm. Khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt.
- Các chế độ phụ cấp: Công ty có các chế độ phụ cấp cho nhân viên, đặc biệt là các công nhân ở các xí nghiệp sản xuất như: phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm.... Công ty đã xây dựng nhà tập thể cho nhân viên ở xa để nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, nhằm động viên họ làm việc tốt hơn.

Chính sách đào tạo nguồn nhân lực:

Công ty luôn chú ý xây dựng nguồn nhân lực sao cho phù hợp với quy mô và định hướng sự phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

Tuyển dụng: tuyển dụng nhân viên, cán bộ quản lý và lao động được thực hiện theo quy chế quản lý, sử dụng và tuyển dụng lao động của Công ty. Công ty thực hiện tuyển dụng đúng người cho đúng vị trí, tránh dư thừa nguồn nhân lực, cũng như đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế của công ty. Công ty tập trung vào hai nguồn chính là đội ngũ lao động có tay nghề và kinh nghiệm để đưa vào làm các cán bộ chủ chốt, và tuyển dụng các sinh viên mới ra trường cho các vị trí mới, cần sự sáng tạo.

Đào tạo nguồn nhân lực: huấn luyện chuyên môn tay nghề, cử đi học các lớp đào tạo nghiệp vụ. Tập trung đào tạo các chuyên ngành như: Marketing, xây dựng thương hiệu, tin học, anh văn, kiểm toán nội bộ, quản trị tài chính...



VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ Tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Hội đồng Quản Trị				
1	Phan Thị Ánh	Chủ tịch	Cử nhân kinh tế QTKD	0
2	Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên	Thạc sĩ kinh tế QTKD	3.800
3	Đặng Kỳ Trung	Thành viên	Thạc sĩ kinh tế	0
4	Anthony Nguyễn	Thành viên	Thạc sĩ kinh tế, thạc sĩ hóa công nghệ	0
5	Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Cử nhân kinh tế TCTD	0
Ban Kiểm Soát				
1	Trang Hữu Nghĩa	Trưởng ban	Cử nhân luật kinh doanh	1.000
2	Lê Minh Việt	Thành viên	Cử nhân kinh tế TCDN	0
3	Nguyễn Thị Thúy Liêm	Thành viên	Cử nhân kinh tế TCTD	6.000
Kế toán trưởng				
1	Phan Ngọc Bình	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế TCKT	3.102

Trong đó:

- 04 thành viên HĐQT độc lập không điều hành Công ty
- 01 thành viên BKS độc lập không điều hành Công ty

b. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm quyết định mọi vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, nhân sự, chính sách đãi ngộ... Tùy vào tình hình kinh doanh và đánh giá thị trường hoạt động của Công ty, Hội Đồng Quản Trị vạch ra chiến lược hoạt động cho Công ty sao cho có hiệu quả nhất. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị sẽ ra các quyết định phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

**Các cuộc họp trong năm của HĐQT (không có cuộc họp riêng của các thành viên HĐQT độc lập không điều hành):**

STT	Ngày họp	Nội dung
1	14/5/2010	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 4 tháng và Kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 5 - tháng 6/2010. Ước kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 - Thông qua dự án đầu tư xây dựng Xí nghiệp CBLT số 5. - TGD báo cáo tình hình xử lý việc nộp thuế TNDN 2007 – 2008. - Bàn về mức lương Ban điều hành. - Báo cáo tiến độ thực hiện niêm yết cổ phiếu và lưu ký - Thông qua tờ trình của TGD về việc vay vốn tại các ngân hàng
2	19/7/2010	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2010. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2010. - Tổng Giám đốc báo cáo tình hình nộp thuế TNDN 2007 – 2008 - Thông qua phương án xây dựng Xí nghiệp chế biến lương thực số 5, đầu tư Nhà máy, hệ thống sấy và lau bóng gạo xuất khẩu tại Hòn Đất, Kiên Giang và tham gia cổ phần Nhà máy chế biến lúa gạo Tam Nông:
3	25/10/2010	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 9 tháng đầu năm 2010. - Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2010. - Bàn một số công tác khác.
4	13/12/2010	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo ước kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010. - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011. - Bàn kế hoạch niêm yết cổ phiếu.
5	14/01/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010. - Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011. - Báo cáo việc thực hiện các dự án năm 2010. - Bàn nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.
6	21/02/2011	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả SXKD tháng 01 và kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 02/2011. Bàn kế hoạch thu mua lúa vụ Đông Xuân 2011. - Thông qua tờ trình số 69/TTr-LT ngày 18/02/2011 về việc sửa đổi tên một số chi nhánh trực thuộc Công ty. - Bàn về quyết định truy thu thuế TNDN năm 2007 – 2008 của Cục thuế Vĩnh Long và Ý kiến của Công ty kiểm toán (AASC) về việc báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty được kiểm toán. - Bàn nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên 2011.



c. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2010, Ban Kiểm Soát đã tổ chức họp định kỳ trực tiếp 4 lần và các lần họp không trực tiếp, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng quy định của Điều lệ Tổ chức và hoạt động;
- Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT, Ban điều hành;
- Ban kiểm soát đã tham gia việc kiểm kê hàng hoá cuối năm, thẩm tra báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cùng với đoàn làm việc của Công ty kiểm toán.

d. Kế hoạch tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị công ty

Do cơ cấu tổ chức của Công ty chưa hoàn chỉnh và sẽ còn nhiều thay đổi, nên giải pháp quản trị đầu tiên là đổi mới cơ cấu tổ chức theo hướng xác định lại nhiệm vụ cho các phòng ban hiện tại, và trong tương lai có thể thành lập thêm một số phòng ban và bộ phận mới (bộ phận marketing, nghiên cứu và phát triển) phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty. Đồng thời, để phù hợp với sự thay đổi này, chức năng quản trị của Công ty sẽ được nâng lên theo hướng phân định rõ trách nhiệm cho các phòng ban, đầu tư thích đáng cho công tác nghiên cứu, phát triển và dành cho các bộ phận một số quyền tự chủ nhất định để phát huy tính năng động, sáng tạo. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ 10 người trong Ban lãnh đạo Công ty có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

e. Thù lao của HĐQT và BKS

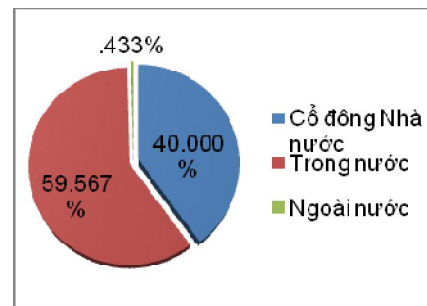
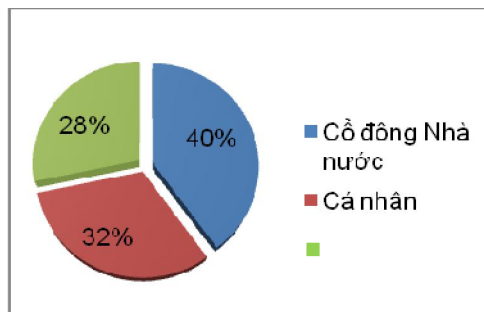
Họ tên	Chức vụ	Thù lao và lợi ích (triệu đồng)
Phan Thị Ánh	Chủ tịch HĐQT	941,3
Đặng Kỳ Trung	Thành viên HĐQT	30,0
Anthony Nguyễn	Thành viên HĐQT	30,0
Nguyễn Hoàng Triệu	Thành viên HĐQT	7,5
Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	30,0
Nguyễn Thanh Hoàng	Thành viên HĐQT	967,0
Trang Hữu Nghĩa	Trưởng BKS	22,5
Nguyễn Thị Thúy Liêm	Thành viên BKS	357,0
Lê Minh Việt	Thành viên BKS	349,1



2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/02/2011

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước	4.160.000	40,00%
Cá nhân	3.300.432	31,73%
- Trong nước	3.260.332	31,35%
- Ngoài nước	40.100	0,39%
Tổ chức	2.939.568	28,27%
- Trong nước	2934598	28,22%
- Ngoài nước	4.970	0,05%
Tổng cộng	10.400.000	100,00%



b. Cổ đông Nhà nước

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

+ Đại diện phần vốn của Tổng công ty Lương thực Miền Nam:

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Bà Phan Thị Ánh	133A đường 2/9, P 1 TP Vĩnh Long, Vĩnh Long	2.080.000	20,00%
2	Ông Đặng Kỳ Trung	181 Thái Phiên Phường 9, Quận 11, TP. HCM	2.080.000	20,00%
Tổng cộng			4.160.000	40,00%



+ Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 42 Chu Mạnh Trinh, P.Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 38 292 342

Fax: (84-8) 38 298 001

Email: vsfc@fmail.vnn.vn

Website: <http://www.vinafood2.com>

+ Ngành nghề kinh doanh

Mua bán, xay xát, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm, lúa mì, bột mì, nông sản. Mua bán thủy sản, phân bón, máy móc phục vụ ngành nông nghiệp, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, vật tư, thiết bị máy móc ngành công-nông nghiệp, rượu, bia, thuốc lá điếu (sản xuất trong nước). Kinh doanh bất động sản. Quản lý khai thác cảng biển, bến thủy nội bộ. Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường thủy. Sửa chữa phương tiện vận tải thủy bộ. Dịch vụ cho thuê kho bãi (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). San lấp mặt bằng. Dịch vụ tư vấn kỹ thuật điện, cơ khí, xây dựng. Sản xuất, đóng mới các phương tiện vận tải thủy.

Sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi. Nuôi, chế biến thủy hải sản. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác, mua bán nước uống tinh khiết, nước khoáng. Dịch vụ hỗ trợ trồng trọt, cung cấp giống cây trồng, thu hoạch cây trồng.

Quảng cáo thương mại, tiếp thị. Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (hoặc quán ăn uống bình dân). (Không sản xuất, khai thác, chế biến, sửa chữa tại trụ sở công ty)

c. Cổ đông lớn

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh, Q1, TPHCM	4.160.000	40,00 %
2	CTCP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (Đại diện : Ông Anthony Nguyễn)	1-5 Trần Hưng Đạo, Q1, TP.HCM	2.428.578	23,35 %
	Tổng cộng		6.588.578	63,35%

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM

Xem mục VIII.2.b



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NGUYỄN KIM

➤ Trụ sở

Địa chỉ: 1-5 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 211 211

Fax: (84-8) 38 210 818

Email : info@trade.nguyenkim.com

Website : <http://www.nguyenkim.com>

➤ Ngành nghề kinh doanh :

Kinh doanh bất động sản. Tư vấn quản lý doanh nghiệp (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Mua bán xe ô tô, xe gắn máy, hàng điện – điện tử - điện lạnh – điện dân dụng, trang thiết bị - máy móc ngành công nông lâm ngư nghiệp, hàng trang trí nội ngoại thất, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ trang sức, lương thực, thực phẩm, đồ uống – bia – rượu (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở), đồ dùng cá nhân và gia đình. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các cổ đông lớn

Tính đến ngày 28/02/2011, Công ty chưa phát sinh các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn.

d. Cổ đông nước ngoài

STT	Tên Cổ đông	Quốc tịch	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Frank Tu Ho	USA	40.000	0,38%
2	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	Japan	4.970	0,05%
3	KOBAYYASHI HIROKO	Japan	100	0,00%
Tổng cộng			45.070	0,43%

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
Số 38 đường 2/9, phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	7-30
Bảng cân đối kế toán	7-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.	11-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long, tên giao dịch quốc tế là Vinh Long Cereal And Food Corporation, viết tắt là VINHLONGFOOD được chuyển đổi từ Công ty nhà nước theo Quyết định số 2204/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 08 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5403000041 đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 38 đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán lương thực, thực phẩm, nông lâm sản nguyên liệu, đồ uống không cồn;
- Mua bán phân bón, hoá chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Mua bán máy móc nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy in, vật tư ngành in, vật tư ngành in và phụ tùng, máy photocopy...);
- Mua bán xe ô tô, xe tải, rơ moóc, mô tô, xe máy;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, mô tô, xe máy;
- Mua bán vật liệu xây dựng, gỗ, kim khí;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, các chất bôi trơn và làm sạch động cơ, khí đốt (gas);
- Mua bán đồ gia dụng, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, thiết bị thể dục, thể thao;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, mỹ phẩm, hạt nhựa PE, hương liệu dùng trong thực phẩm;
- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Nuôi, trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông;
- Hoạt động kho bãi;
- Dệt, bao bì nhựa PP và PE;

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
Số 38 đường 2/9, phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

- Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất đồ uống không cồn;
- Bán buôn, bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Mua bán hạt nhựa ./.

Công ty có đầu tư vốn vào công ty liên kết sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	Số 26 Đường 3/2, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Chế biến Nông sản và Nuôi trồng thủy sản	Số 32/2A Đường Phạm Hùng, phường 9, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
2	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 3	Số 544/10 Đường Phan Văn Năm, thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
3	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 4	Tổ 1, ấp 3A, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
4	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 5	Số 18A đường Võ Tấn Đức, thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
5	Xí nghiệp Bao bì	Ấp Phước Long, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
6	Xí nghiệp chế biến lương thực số 7	Số 242A/1 ấp Thới Khánh, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ
7	Xí nghiệp chế biến lương thực số 8	Tổ 7 khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
8	Xí nghiệp chế biến lương thực số 9	Số 89/2 Lộ Vòng Cung, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
9	Cửa hàng Tiện Lợi	Số 4-6-10 Phạm Hùng, phường 2, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
10	Văn phòng đại diện tại TP HCM	Số 31 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP HCM

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
Số 38 đường 2/9, phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT Các

thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Bà :	Phan Thị Ánh	Chủ tịch HĐQT
Ông :	Đặng Kỳ Trung	Ủy viên
Ông :	Nguyễn Thanh Hoàng	Ủy viên
Ông :	Anthony Nguyễn	Ủy viên
Ông :	Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Nguyễn Thanh Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông :	Trần Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Văn Hồ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát, bao gồm :

Ông :	Trang Hữu Nghĩa	Trưởng ban
Bà :	Nguyễn Thị Thúy Liêm	Thành viên
Ông :	Lê Minh Việt	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán; Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
Số 38 đường 2/9, phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 02 năm 2011

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)

NGUYỄN THANH HOÀNG

Số : 24/2011/BC.TC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long

**Kính gửi: Hội đồng quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được lập ngày 28 tháng 02 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Như đã trình bày ở thuyết minh số 1.3 về các sự kiện trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính từ trang 12 đến trang 15 của Bản báo cáo tài chính, Công ty đang chờ Đại hội Cổ đông năm 2011 chính thức thông qua nên Công ty chưa giảm quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối để làm nguồn chi các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 và 2008 phải nộp bổ sung với tổng số tiền là 31.347.563.097 đồng.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.


TPHCM, ngày 02 tháng 03 năm 2011

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI
CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

GIÁM ĐỐC

BÙI VĂN THẢO
Chứng chỉ KTV số : 0522/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN


NGUYỄN TRUNG THÀNH
Chứng chỉ KTV số : 1312/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010


Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
	TÀI SẢN			
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		438.445.880.317	322.842.834.746
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	70.320.556.422	31.172.668.989
111	1. Tiền		3.620.556.422	3.471.764.989
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.700.000.000	27.700.904.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	37.271.783.200	1.926.228.400
121	1. Đầu tư ngắn hạn		41.182.330.700	5.709.830.700
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(3.910.547.500)	(3.783.602.300)
130	III. Các khoản phải thu		213.988.600.262	50.391.325.302
131	1. Phải thu của khách hàng		74.290.278.513	45.536.915.464
132	2. Trả trước cho người bán		106.441.402.944	4.292.642.211
135	5. Các khoản phải thu khác	5	33.340.918.805	620.567.627
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(84.000.000)	(58.800.000)
140	IV. Hàng tồn kho	6	105.398.563.745	224.759.361.227
141	1. Hàng tồn kho		105.398.563.745	224.759.361.227
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.466.376.688	14.593.250.828
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.385.615.251	10.988.571.403
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	3.027.828.622	-
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	4.052.932.815	3.604.679.425
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)		108.634.988.892	114.238.954.437
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		84.289.418.893	88.097.287.771
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	66.028.641.165	70.911.544.085
222	- Nguyên giá		112.065.947.767	114.187.876.268
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(46.037.306.602)	(43.276.332.183)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	18.198.985.910	17.185.743.686
228	- Nguyên giá		18.341.722.800	17.294.880.300
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(142.736.890)	(109.136.614)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		61.791.818	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		23.993.070.000	25.750.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11	5.250.000.000	20.250.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	18.743.070.000	5.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		352.499.999	391.666.666
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	352.499.999	391.666.666
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		547.080.869.209	437.081.789.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả (300=310+330)		375.156.799.430	278.174.131.732
310	I. Nợ ngắn hạn		374.996.072.684	275.713.980.566
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	347.633.697.049	209.431.218.083
312	2. Phải trả cho người bán		397.599.054	942.436.847
313	3. Người mua trả tiền trước		9.776.865.825	39.972.379.250
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	937.329.788	11.732.468.891
315	5. Phải trả người lao động		4.813.507.654	6.329.392.039
316	6. Chi phí phải trả	16	600.576.054	1.012.889.055
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	11.529.920.365	5.902.709.226
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		(693.423.105)	390.487.175
330	II. Nợ dài hạn		160.726.746	2.460.151.166
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	2.329.949.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		160.726.746	130.202.166
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		171.924.069.779	158.907.657.451
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	18	171.924.069.779	158.907.657.451
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		104.000.000.000	104.000.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		3.925.052.036	391.537.781
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		24.403.839.359	21.254.102.686
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.687.185.057	112.316.721
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.907.993.327	33.149.700.263
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		547.080.869.209	437.081.789.183

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
USD		25.465,86	1.642.909,08
EUR		562,28	

Người lập biểu



Bành Trung Trực

Kế toán trưởng



Phan Ngọc Bình

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



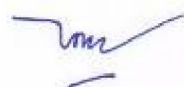
Nguyễn Thanh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.473.326.971.657	1.700.166.408.807
02	2. Các khoản giảm trừ	20	43.188.263	1.179.599.432
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.473.283.783.394	1.698.986.809.375
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.367.133.314.080	1.620.062.903.341
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		106.150.469.314	78.923.906.034
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	58.507.901.764	68.530.516.118
22	7. Chi phí tài chính	24	37.318.546.032	29.443.341.287
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		29.779.966.989	26.351.878.992
24	8. Chi phí bán hàng		49.103.137.576	46.111.497.772
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		31.951.971.398	32.030.417.739
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.284.716.072	39.869.165.354
31	11. Thu nhập khác	25	10.338.351.959	3.464.640.034
32	12. Chi phí khác	26	11.617.226.364	1.309.863.155
40	13. Lợi nhuận khác		(1.278.874.405)	2.154.776.879
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.005.841.667	42.023.942.233
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	10.757.259.586	10.340.575.506
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		34.248.582.081	31.683.366.727
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	3.293	3.046

Người lập biểu




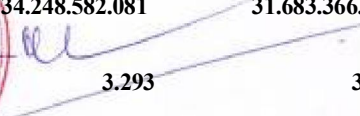
Bành Trung Trực

Kế toán



Phan Ngọc

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011
TỔNG GIÁM ĐỐC

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011
TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thanh Hoàng

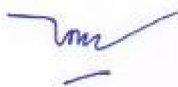
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh I.			
01	Lợi nhuận trước thuế		45.005.841.667	42.023.942.233
	2. Điều chỉnh các khoản		8.398.320.434	29.008.218.286
02	- Khấu hao TSCĐ		7.606.259.184	8.484.233.848
03	- Các khoản dự phòng		152.145.200	2.964.869.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.140.050.939)	(8.792.763.554)
06	- Chi phí lãi vay		29.779.966.989	26.351.878.992
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.404.162.101	71.032.160.519
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(156.727.251.259)	33.241.720.483
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		119.360.797.482	(183.254.933.949)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(22.783.943.317)	36.921.688.303
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		39.166.667	39.166.667
13	- Tiền lãi vay đã trả		(30.101.941.978)	(33.585.093.317)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.963.594.907)	(162.068.807)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		36.773.890.526	30.087.768.768
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(36.943.335.163)	(35.200.630.582)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(60.942.049.848)	(80.880.221.915)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(9.449.568.062)	(8.456.515.348)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		5.303.629.887	201.745.826
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(35.472.500.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			1.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(15.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			11.271.839.700
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.661.794.052	6.821.059.428
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.956.644.123)	(4.161.870.394)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.877.263.198.928	1.945.248.792.552
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.741.390.668.962)	(1.821.047.574.469)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.824.050.000)	(23.298.154.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		115.048.479.966	100.903.064.083
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		39.149.785.995	15.860.971.774
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		31.172.668.989	14.947.090.700
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		(1.898.562)	364.606.515
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70.320.556.422	31.172.668.989

Người lập biểu



Bành Trung Trực

Kế toán trưởng



Phan Ngọc Bình

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long, tên giao dịch quốc tế là Vinh Long Cereal And Food Corporation, viết tắt là VINHLONGFOOD được chuyển đổi từ Công ty nhà nước theo Quyết định số 2204/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 08 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5403000041 đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 10 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 38 đường 2/9, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long *Công ty có đầu tư vốn vào công ty liên kết sau:*

<u>STT</u>	<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	Số 26 Đường 3/2, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>STT</u>	<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Xí nghiệp Chế biến Nông sản và Nuôi trồng thủy sản	Số 32/2A Đường Phạm Hùng, phường 9, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
2	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 3	Số 544/10 Đường Phan Văn Năm, thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
3	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 4	Tổ 1, ấp 3A, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
4	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 5	Số 18A đường Võ Tấn Đức, thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
5	Xí nghiệp Bao bì	Ấp Phước Long, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
6	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 7	Số 242A/1 ấp Thới Khánh, Thới Lai, TP Cần Thơ
7	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 8	khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
8	Xí nghiệp Chế biến Lương thực số 9	Số 89/2 Lộ Vòng Cung, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
9	Cửa hàng Tiện Lợi	Số 4-6-10 Phạm Hùng, phường 2, TP Vĩnh Long
10	Văn phòng đại diện tại TP HCM	Số 31 Nguyễn Kim, phường 12, quận 5, TP HCM

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán lương thực, thực phẩm, nông lâm sản nguyên liệu, đồ uống không cồn;
- Mua bán phân bón, hoá chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Mua bán máy móc nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy in, vật tư ngành in, vật tư ngành in và phụ tùng, máy photocopy...);
- Mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, mô tô, xe máy;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, mô tô, xe máy;
- Mua bán vật liệu xây dựng, gỗ, kim khí;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, các chất bôi trơn và làm sạch động cơ, khí đốt (gas);
- Mua bán đồ gia dụng, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, thiết bị thể dục, thể thao;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, mỹ phẩm, hạt nhựa PE, hương liệu dùng trong thực phẩm;
- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Nuôi, trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông;
- Hoạt động kho bãi;
- Dệt, bao bì nhựa PP và PE;
- Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất đồ uống không cồn;
- Bán buôn, bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Mua bán hạt nhựa ./.

1.3 Sự kiện trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2010 công ty có sự kiện vướng mắc về ưu đãi thuế TNDN từ năm 2007, 2008 như sau:

1. Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ DNNN sang Công ty Cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5403000041 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 29/12/2006.

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá của Công ty theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01/8/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “V/v chuyển doanh nghiệp Nhà

nước Công ty lương thực Thực phẩm Vĩnh Long thành Công ty Cổ phần”. Trong đó tại Điều 3 có ghi: “...được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần”.

Theo kết luận thanh tra số 714/CT-TTr ngày 15 tháng 12 năm 2008 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long kết luận: Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho hai năm tiếp theo. “Như vậy thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được tính thực hiện kể từ năm 2007. Số Thuế TNDN phát sinh năm 2007 Công ty được miễn 100% theo quy định bằng 1.558.105.984 đồng”.

Thực hiện chính sách ưu đãi và kết luận thanh tra nêu trên, năm 2007 và năm 2008 Công ty đã thực hiện kê khai và hạch toán số thuế TNDN được miễn vào quỹ đầu tư phát triển, Tổng cộng: 31.347.563.097 đồng, Trong đó:

+ Năm 2007: 1.558.105.984 đồng

+ Năm 2008: 29.789.457.113 đồng

2. Đến ngày 20 tháng 01 năm 2010, Tổng Cục Thuế có Công văn số 236/TCT - KTNB gửi Cục thuế Vĩnh Long về việc kết luận thanh tra nội bộ nêu: “Việc xử lý miễn thuế TNDN năm 2007 số tiền 1.558.105.984 đồng và các năm tiếp theo cho Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long là không đúng quy định” và yêu cầu thu hồi số tiền thuế là 31.347.563.097 đồng (năm 2007 là 1.558.105.984 đồng, năm 2008 là 29.784.457.113 đồng) và phạt 10% trên số tiền thuế truy thu là 3.134.756.310 đồng.

Ngày 10/6/2010 Cục thuế tỉnh Vĩnh Long đến làm việc tại Công ty và căn cứ vào công văn số 236/TCT-KTNB ngày 20/1/2010 của Tổng Cục thuế yêu cầu truy thu số tiền thuế trước đây đã đồng ý miễn cho Công ty năm 2007, năm 2008 là 31.347.563.097 đồng và tiền phạt 10% là 3.134.756.310 đồng.

Trong biên bản này, Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long không đồng ý với nội dung kết luận của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long với nội dung:

“Đối với phần thuế TNDN 2007 và 2008 số tiền thuế là: 31.347.563.097 đồng, theo Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long cho rằng văn bản pháp luật chưa rõ ràng. Do đó, Công ty sẽ làm đơn khiếu nại đề Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm rõ là Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được miễn giảm hay phải đóng thuế cho Nhà nước.

Đối với việc phạt 10% trên số tiền thuế truy thu, Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long không có hành vi vi phạm Điều 13 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007, Do đó, Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long không bị phạt 10% tiền thuế truy thu.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long kính mong Cục thuế Vĩnh Long xem xét.”

- Ngày 26 tháng 6 năm 2010 bằng Quyết định số 213/QĐ - CT Cục thuế tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Thu hồi số tiền thuế TNDN số tiền là: 31.347.563.097 đồng (trong đó: năm 2007 là 1.558.105.984 đồng, năm 2008 là 29.784.457.113 đồng)

Phạt tiền với mức phạt 10% x 31.347.563.097 đồng = 3.134.756.310 đồng.

3. Ngày 05 tháng 7 năm 2010 Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đã có đơn khiếu nại về việc khiếu nại quyết định số 213/QĐ - CT ngày 22/6/2010 về việc xử phạt vi phạm pháp luật về thuế của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long.

Nội dung đơn khiếu nại nêu rõ:

Đề nghị xem xét lại quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22 tháng 6 năm 2010 của Cục Tổng Cục thuế tỉnh Vĩnh Long.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được ưu đãi về đầu tư miễn thuế TNDN 2 năm: 2007 và 2008, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 2 năm tiếp theo căn cứ quy định pháp lý như sau:

- Là cơ sở sản xuất mới thành lập thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư căn cứ Điểm 1 mục (a) đoạn IV phần E phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.
- Là cơ sở ngành nghề chế biến nông sản thực phẩm thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư căn cứ điểm 40, đoạn VII, phần B, Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.
- Là cơ sở ngành nghề đầu tư bảo quản nông sản căn cứ điểm 21, đoạn II, phần B, Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long không có hành vi vi phạm Điều 13, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ. Vì sự việc xảy ra là do pháp luật quy định chưa rõ ràng, ngay cả Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long khi thanh tra Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long cũng xác nhận là Công ty được “Miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo”. Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long không vi phạm Điều 13, Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ vì không có khai sai, không có khai man. Do đó, Cục thuế Vĩnh Long xử phạt hành chính về thuế 10%, tương đương với 3.134.756.310 đồng theo Quyết định số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 là chưa đúng, gây thiệt thòi cho Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long.

4. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2010 Cục thuế Vĩnh Long đã khấu trừ các khoản hoàn thuế GTGT của Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long để thu hồi thuế TNDN theo Quyết định số 213/QĐ - CT ngày 22/6/2010 với số tiền là 24.477.258.595 đồng.

5. Ngày 13 tháng 1 năm 2011 Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tiếp tục có Công văn số 12/CV -LT gửi Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính, Cục thuế tỉnh Vĩnh Long về việc “Xin sớm giải quyết đơn khiếu nại QĐ số 213/QĐ-CT ngày 22/6/2010 về việc xử phạt vi phạm pháp luật về thuế của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long”

6. Ngày 28/01/2011 Cục Thuế Vĩnh Long có Quyết định số 46/QĐ-CT về việc giải quyết đơn khiếu nại của Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long. Quyết định đã giải quyết: “Công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại đối với Ông Nguyễn Thanh Hoàng - TGD Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long. Không phạt 10% và phạt nộp chậm, giữ nguyên số thuế TNDN truy thu năm 2007 và 2008 do xác định sai ưu đãi miễn giảm là 31.347.563.097 đồng”.

Trước các sự kiện nêu trên ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long đã có những chỉ đạo, thực hiện như sau:

- Đã báo cáo Đại Hội đồng cổ đông trong kỳ Đại Hội đồng cổ đông năm 2010. Đại hội đồng cổ đông đã cho ý kiến giao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị tiếp tục làm đơn khiếu nại và có công văn đề nghị Tổng cục thuế, Bộ Tài chính giải quyết đồng thời chuẩn bị nguồn quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế năm 2009, 2010 đủ để bù đắp khoản thuế truy thu nếu quyết định cuối cùng của cấp có thẩm quyền không cho miễn giảm thuế TNDN năm 2007, 2008.
- Báo cáo tài chính năm 2009, năm 2010 Ban Tổng Giám đốc đã chủ động khai báo nộp thuế TNDN không thực hiện giảm 50% trong khi chờ quyết định của Cơ quan có thẩm quyền.
- Chấp hành luật quản lý thuế Hội đồng quản trị dự kiến trình Đại Hội đồng cổ đông năm 2011 xử lý vấn đề trên như sau:

Thứ nhất: Sử dụng quỹ đầu tư phát triển còn lại đến 31/12/2010 và lợi nhuận sau thuế để bù đắp khoản thuế tạm thời bị truy thu như sau:

Nguồn bù đắp:

Quỹ đầu tư phát triển đến 31/12/2010:	24.403.839.359 đồng
Lợi nhuận sau thuế đến 31/12/2010:	6.943.723.738 đồng
Tổng cộng:	31.347.563.097 đồng

(Sau khi bù đắp lợi nhuận sau thuế còn: 32.651.454.646 đồng đủ để chi trả cổ tức 2010 là 25% trên vốn điều lệ như dự kiến (26 tỷ đồng) của Hội đồng quản trị sẽ trình Đại Hội đồng cổ đông).

Thứ hai: Tiếp tục liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đề nghị giải quyết đơn khiếu nại để xin miễn giảm thuế theo luật khiếu nại, tố cáo.

Thứ ba: Nếu sau khi đơn khiếu nại được giải quyết mà Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được miễn giảm theo qui định thì số tiền được hoàn trả sẽ bổ sung lợi nhuận sau thuế và phân phối theo quyết định của đại Hội đồng cổ đông.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 13 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình	08 - 50 năm

2.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo hướng dẫn vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ vốn góp, sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán theo hướng dẫn tại thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 và thông tư 177/2009/TT-BTC ngày 10/09/2009

2.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, các khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.15. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Vĩnh Long, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự phòng tài chính hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ công ty;

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa là 10% lợi nhuận sau thuế;

Trích Quỹ đầu tư phát triển tối đa là 10% lợi nhuận sau thuế;

Hội đồng Quản trị báo cáo phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
 Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

3 .Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	491.816.300	629.025.600
Tiền gửi ngân hàng	3.128.740.122	2.842.739.389
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	66.700.000.000	27.700.904.000
	70.320.556.422	31.172.668.989

4 .Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (*)	565.933.300	565.933.300
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Viễn Đông (*)	405.000.000	405.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội (*)	4.738.897.400	4.738.897.400
Trái phiếu chuyển đổi Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	472.500.000	
Tiền gửi có kỳ hạn tại Chi nhánh ngân hàng Kiên Long Vĩnh Long	35.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (**)	(3.910.547.500)	(3.783.602.300)
Cộng	37.271.783.200	1.926.228.400

(*) Các cổ phiếu đang được niêm yết trên thị trường chứng khoán tập chung

(**) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tên chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị theo giá thị trường	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	4.160	565.933.300	114.400.000	(451.533.300)
Cổ phiếu Công ty CP Giấy Viễn Đông	11.000	405.000.000	118.976.000	(286.024.000)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội	134.992	4.738.897.400	1.565.907.200	(3.172.990.200)
Cộng		5.709.830.700	1.799.283.200	(3.910.547.500)

5 .Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	186.000.000	
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	1.806.117.708	
Phải thu về tiền thuế TNDN năm 2007 và 2008 bị truy thu chờ xử lý	31.347.563.097	
Phải thu khác	1.238.000	620.567.627
	33.340.918.805	620.567.627

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
 Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

6 .Hàng tồn kho	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.575.804.886	2.898.820.279
Chi phí SXKD dở dang	258.930.378	198.751.175
Thành phẩm	2.590.846.284	1.513.920.823
Hàng hóa	95.972.982.197	211.947.868.950
Hàng gửi đi bán	-	8.200.000.000
	105.398.563.745	224.759.361.227
7 .Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế TNDN	3.027.828.622	-
	3.027.828.622	-
8 .Tài sản ngắn hạn khác		
	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tạm ứng	4.052.932.815	2.973.156.225
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	631.523.200
Cộng	4.052.932.815	3.604.679.425

9 .Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	58.426.003.982	49.179.621.161	5.610.614.651	971.636.474	114.187.876.268
Tăng trong năm	1.108.122.999	1.425.755.364	967.782.654	39.272.727	3.540.933.744
- Mua sắm	-	1.425.755.364	967.782.654	39.272.727	2.432.810.745
- Xây dựng cơ bản	1.108.122.999	-	-	-	1.108.122.999
Giảm trong năm	5.474.862.245	188.000.000	-	-	5.662.862.245
- Thanh lý, nhượng bán	-	188.000.000	-	-	188.000.000
- Nhà nước thu hồi đất	5.474.862.245	-	-	-	5.474.862.245
Số cuối năm	54.059.264.736	50.417.376.525	6.578.397.305	1.010.909.201	112.065.947.767
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	24.001.190.630	15.446.370.990	3.288.636.651	540.133.912	43.276.332.183
Tăng trong năm	2.912.244.024	4.133.436.145	416.632.376	110.346.363	7.572.658.908
- Trích khấu hao TSCĐ	2.912.244.024	4.133.436.145	416.632.376	110.346.363	7.572.658.908
- Chuyển từ BĐSĐT	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	4.776.573.986	35.110.503	-	-	4.811.684.489
- Thanh lý, nhượng bán	-	35.110.503	-	-	35.110.503
- Nhà nước thu hồi đất	4.776.573.986	-	-	-	4.776.573.986
Số cuối năm	22.136.860.668	19.544.696.632	3.705.269.027	650.480.275	46.037.306.602
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	34.424.813.352	33.733.250.171	2.321.978.000	431.502.562	70.911.544.085
Số cuối năm	31.922.404.068	30.872.679.893	2.873.128.278	360.428.926	66.028.641.165

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

10 . Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	17.174.599.800	-	-	120.280.500	17.294.880.300
Tăng trong năm	1.017.804.000	-	-	29.038.500	1.046.842.500
- Mua sắm	1.017.804.000	-	-	29.038.500	1.046.842.500
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	18.192.403.800	-	-	149.319.000	18.341.722.800
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	49.451.499	-	-	59.685.115	109.136.614
Tăng trong năm	22.321.381	-	-	11.278.895	33.600.276
- Trích khấu hao TSCĐ	22.321.381	-	-	11.278.895	33.600.276
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	71.772.880	-	-	70.964.010	142.736.890
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.125.148.301	-	-	60.595.385	17.185.743.686
Số cuối năm	18.120.630.920	-	-	78.354.990	18.198.985.910

11 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - Vĩnh Long	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty TNHH Domyfeed (*)		15.000.000.000
	5.250.000.000	20.250.000.000

(*) Công ty TNHH Domyfeed đã sáp nhập vào Công ty cổ phần Docimexco và phần vốn góp của Công ty được chuyển sang Công ty cổ phần Docifish. Khoản đầu tư này đang được theo dõi tại khoản mục "Đầu tư dài hạn khác".

Thông tin bổ sung về công ty liên kết tại ngày 31/12/2010

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2010	Q.biểu quyết tại 31/12/2010	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH TM Sài Gòn - Vĩnh Long	26,25%	26,25%	Siêu thị thuộc hệ thống Co-op Mart

12 . Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Nhà máy Bia Sài Gòn - Vĩnh Long			500.000.000	500.000.000
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ (*)	500.000	500.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Docifish	1.324.307		13.243.070.000	
			18.743.070.000	5.500.000.000

(*): theo báo cáo tài chính năm 2010 chưa được kiểm toán của Công ty Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ thì số lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2010 là 16.144.027.479 đồng (tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 5,72%). Tuy nhiên do đây là khoản lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư nên Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư này tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2010.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
 Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

13. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền thuê đất	352.499.999	391.666.666
	352.499.999	391.666.666

14. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngân hàng	345.133.697.049	205.751.218.083
Vay dài hạn đến hạn trả	2.500.000.000	3.680.000.000
	347.633.697.049	209.431.218.083

Chi tiết khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
LD1027800093	Sacombank VL	13,08%/năm	5 tháng	1.619.417.049	Tài sản
LD1027800281	Sacombank VL	13,08%/năm	5 tháng	500.000.000	Tài sản
LD1028100139	Sacombank VL	13,08%/năm	5 tháng	3.500.000.000	Tài sản
LD1028600133	Sacombank VL	13,08%/năm	5 tháng	3.500.000.000	Tài sản
LD1028700090	Sacombank VL	13,08%/năm	5 tháng	2.500.000.000	Tài sản
LD1029100066	Sacombank VL	13%/năm	5 tháng	500.000.000	Tài sản
LD1030200001	Sacombank VL	13%/năm	5 tháng	65.000.000.000	Tài sản
LD1030500234	Sacombank VL	13%/năm	5 tháng	15.000.000.000	Tài sản
LD1030800342	Sacombank VL	13%/năm	5 tháng	20.000.000.000	Tài sản
LD1031200220	Sacombank VL	13,5%/năm	5 tháng	50.000.000.000	Tài sản
89/VCBVL.10	Vietcombank Vĩnh Long	14%/năm	4 tháng	40.000.000.000	Tài sản
113/VCBVL.10	Vietcombank Vĩnh Long	15,5%/năm	4 tháng	5.000.000.000	Tài sản
86526439	NH Á Châu Vĩnh Long	6,85%/năm	6 tháng	37.864.000.000	Tài sản
87375949	NH Á Châu Vĩnh Long	2,76%/năm	6 tháng	18.932.000.000	Tài sản
5648333	ANZ - TPHCM	4,2%/năm	3 tháng	2.650.480.000	Tài sản
5696863	ANZ - TPHCM	2,5%/năm	3 tháng	28.398.000.000	Tài sản
5700291	ANZ - TPHCM	4,4%/năm	3 tháng	15.145.600.000	Tài sản
LAEVNM011712	HSBC - TPHCM	3,32%/năm	3 tháng	28.398.000.000	Tài sản
51/2010/CT/KU-05	Liên Việt Cần Thơ	5,8%/năm	3 tháng	6.626.200.000	Tài sản

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
 Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

345.133.697.049

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	719.008.349	1.493.907.178
Thuế TNDN	-	10.178.506.699
Thuế thu nhập cá nhân	57.771.000	60.055.014
Các loại thuế khác	160.550.439	-
	937.329.788	11.732.468.891

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trích trước lãi vay phải trả	600.576.054	922.551.043
Trích trước phí bảo hiểm ngành gạo xuất khẩu		90.338.012
	600.576.054	1.012.889.055

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	51.012.891	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.042.500	13.580.000
Tiền thuế TNCN của nhân viên	183.720.998	
Cổ tức phải trả các cổ đông	120.640.000	143.940.000
Chi phí phạt tàu phải trả Searice Ltd, Geneva Branch		2.271.557.912
Phải trả Sở tài chính tỉnh tiền tạm ứng mua hàng phục vụ tết Nguyên Đán	4.000.000.000	3.300.000.000
Truy thu tiền thuế TNDN không được miễn năm 2007 và 2008 (*)	6.870.304.502	
Phải trả, phải nộp khác	289.199.474	173.631.314
	11.529.920.365	5.902.709.226

(*): số thuế còn phải nộp sau khi cơ quan thuế đã bù trừ tiền thuế GTGT công ty được hoàn là 24.477.258.595 đồng với khoản truy thu thuế TNDN đã nêu ở mục thuyết minh số 1.3

18. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	52.000.000.000		31.654.102.686	112.316.721		71.959.724.803	
Tăng trong năm trước	52.000.000.000	391.537.781			1.600.000.000	34.785.539.379	
Tăng vốn trong năm trước	52.000.000.000						
Lợi nhuận tăng năm trước						34.785.539.379	
Trích quỹ trong năm trước					1.600.000.000		
Tăng khác trong năm trước		391.537.781					
Giảm trong năm trước			10.400.000.000		1.600.000.000		
Phân phối LN trong năm trước						73.595.563.919	
Quỹ giảm trong năm trước			10.400.000.000				
Giảm khác trong năm trước					1.600.000.000		
Số dư đầu năm nay	104.000.000.000	391.537.781	21.254.102.686	112.316.721	-	33.149.700.263	158.907.657.451
Tăng trong năm nay	-	3.925.537.109	3.149.736.673	1.574.868.336	-	34.248.582.081	42.898.724.199
Tăng vốn trong năm nay		-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ		-	-	-	-	34.248.582.081,25	34.248.582.081
Tăng do phân phối LN		-	3.149.736.673	1.574.868.336	-	-	4.724.605.009
Tăng khác trong năm nay		3.925.537.109	-	-	-	-	3.925.537.109
Giảm trong năm nay	-	392.022.854	-	-	-	29.490.289.017	29.882.311.871
Giảm khác trong năm nay		392.022.854					392.022.854
Số dư cuối năm	104.000.000.000	3.925.052.036	24.403.839.359	1.687.185.057	-	37.907.993.327	171.924.069.779

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vốn góp của Nhà nước	41.600.000.000	41.600.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	62.400.000.000	62.400.000.000
	104.000.000.000	104.000.000.000

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
 Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	104.000.000.000	52.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	52.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	104.000.000.000	104.000.000.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia bằng tiền mặt		23.400.000.000
- Cổ tức năm 2008 đã chia bằng cổ phiếu		41.600.000.000
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng tiền mặt	20.800.000.000	

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 03 năm 2010, Công ty công bố việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 20%/VĐL.

d. Cổ phiếu

	31/12/2010	31/12/2009
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.400.000	10.400.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	10.400.000	10.400.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.400.000	10.400.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.400.000	10.400.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.400.000	10.400.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	33.149.700.263	71.959.724.803
Lợi nhuận sau thuế TNDN	34.248.582.081	31.683.366.727
Trả thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	(186.000.000)	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	(1.574.868.336)	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển	(3.149.736.673)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.889.842.004)	(3.893.391.267)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	(1.889.842.004)	(1.600.000.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		(41.600.000.000)
Trả cổ tức bằng tiền	(20.800.000.000)	(23.400.000.000)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	37.907.993.327	33.149.700.263

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng	1.472.994.874.385	1.699.325.886.574
Doanh thu cung cấp dịch vụ	332.097.272	840.522.233
	1.473.326.971.657	1.700.166.408.807

20. Các khoản giảm trừ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chiết khấu thương mại	731.600	-
Hàng bán bị trả lại	42.456.663	1.179.599.432
	43.188.263	1.179.599.432

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
 Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

21 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	1.472.951.686.122	1.698.146.287.142
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	332.097.272	840.522.233
	1.473.283.783.394	1.698.986.809.375
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.351.548.539.495	1.603.415.212.806
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.584.774.585	16.647.690.535
	1.367.133.314.080	1.620.062.903.341
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
23 . Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.491.942.832	5.835.052.028
Lãi mua bán chứng khoán	931.557.000	1.769.958.300
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.169.851.220	986.007.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.477.819.524	59.776.211.724
Lãi từ bán hàng cho trả chậm	3.436.731.188	
Lãi chiết khấu thanh toán		163.286.666
	58.507.901.764	68.530.516.118
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
24 . Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	29.779.966.989	26.351.878.992
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.654.648.895	105.037.532
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	126.945.200	2.964.869.000
Lỗ khi chuyển vốn đầu tư từ Công ty TNHH Domefeed sang Công ty CP Docifish Chi	1.756.930.000	
phí tài chính khác	54.948	21.555.763
	37.318.546.032	29.443.341.287
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
25 . Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ (bao gồm phần được đền bù do nhà nước thu hồi đất Thu	6.154.807.643	1.339.903.810
nhập thanh lý công cụ dụng cụ, bao bì	616.950.000	976.679.559
Thu tiền thưởng tàu		440.653.026
Phí lưu container		356.177.165
Thu thừa hàng hoá	72.509.840	
Thu nhập từ các khoản nợ phải trả không cần thực hiện nghĩa vụ thanh toán Thu	2.691.131.374	
nhập do nhà nước hỗ trợ di dời tài sản khi thu hồi đất	675.647.273	
Thu nhập khác	127.305.829	351.226.474
	10.338.351.959	3.464.640.034

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
 Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

26 . Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	851.177.756	1.138.157.984
Chi phí thanh lý TSCĐ		6.931.818
Phạt chậm nộp thuế	735.936	
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	10.482.242.003	
Chi phí khác	283.070.669	164.773.353
	11.617.226.364	1.309.863.155

27 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	45.005.841.667	42.023.942.233
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập từ hoạt động SXKD	4.287.803.246	324.367.192
Điều chỉnh tăng do các khoản chi phí không hợp lệ	342.521.865	324.367.192
Điều chỉnh tăng do các khoản chi phí không liên quan doanh thu, thu nhập	8.540.000	
Điều chỉnh tăng do chi phí khấu hao không đúng quy định	22.321.381	
Điều chỉnh tăng do đánh giá lại công nợ phải trả có gốc ngoại tệ	3.914.420.000	
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập từ hoạt động SXKD	6.264.606.570	986.007.400
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế nhận được từ các hoạt động đã chịu thuế TNDN	1.169.851.220	986.007.400
Thu nhập bồi thường tài sản và GPMB theo huy hoạch của địa phương (*)	5.094.755.350	
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	43.029.038.343	41.362.302.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.757.259.586	10.340.575.506
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	10.757.259.586	10.340.575.506

(*): khoản thu nhập này được miễn thuế TNDN theo công văn trả lời số 47/CT-TT&HTNNT do Cục thuế tỉnh Vĩnh Long ban hành ngày 27 tháng 01 năm 2011.

28 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.248.582.081	31.683.366.727
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.248.582.081	31.683.366.727
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	10.400.000	5.200.000
Cổ phiếu phổ thông tăng bình quân trong kỳ		5.200.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.400.000	10.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.293	3.046

29 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất kinh doanh hàng lương thực.

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý:

Báo cáo bộ phận năm 2010

	VNĐ		
	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	572.804.669.268	900.479.114.126	1.473.283.783.394
Giá vốn	553.184.367.413	813.948.946.667	1.367.133.314.080
Lợi nhuận gộp	19.620.301.855	86.530.167.459	106.150.469.314
Tài sản không phân bổ			547.080.869.209
Tổng tài sản			547.080.869.209
Nợ phải trả bộ phận	372.048.427	25.550.627	397.599.054
Nợ không phân bổ			374.759.200.376
Tổng nợ phải trả	372.048.427	25.550.627	375.156.799.430

Báo cáo bộ phận năm 2009

	VNĐ		
	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Doanh thu thuần	594.066.815.182	1.104.919.994.193	1.698.986.809.375
Giá vốn	546.036.410.025	1.074.026.493.316	1.620.062.903.341
Lợi nhuận gộp	48.030.405.157	30.893.500.877	78.923.906.034
Tài sản không phân bổ			437.081.789.183
Tổng tài sản			437.081.789.183
Nợ phải trả bộ phận	278.174.131.732		278.174.131.732
Nợ không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	278.174.131.732		278.174.131.732

30 . Thông tin các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Kỳ này (VNĐ)
Tổng công ty Lương thực miền Nam	Cổ đông	Phí giao nhận xuất khẩu gạo	2.185.429.631
		Bán gạo các loại	440.577.104.528

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư phải thu, phải trả
Tổng công ty Lương thực miền Nam	Cổ đông	Phải trả phí giao nhận xuất khẩu gạo	355.553.427
		Phải thu tiền bán gạo các loại	22.189.571.309

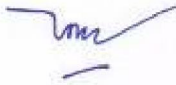
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
Số 38 đường 2/9, Phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

31 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán, trừ Báo cáo lưu chuyển tiền đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp. Số liệu này được trình bày lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại lại năm	
		2010	2009
Bảng cân đối kế toán			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	390.487.175	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		390.487.175
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	390.487.175

Người lập biểu

Bành Trung Trực

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Bình
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Hoàng
